

B. GIAO THỐNG VẤN TỰ I
B. GIAO THỐNG VẤN TỰ I

C. NG HỮA XẾ H. I CH. NGHQA VĨ T NAM
n. c lđp - T. do - Hữnh ph¹c

BỮ NG Ị IqM CHI TIỂ T MỖN HỮ C - MỖN KIqM TRA

Nhữ hữ c : 2013-2014
Hữ c k8 : HK01

Lữ phữ c : Tữ c l
Mữ n hữ c : Thi c¹ ng c fũ 1

STT	MÃ SV	Hữ Vê TqN		Hữ Sữ 2						Hữ Sữ 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3551010193	Phữm Viữ	Anh	5.0	6.0	6.0	5.0	6.0		2.5	0.0		4.9	4.9	4.3		
2	3551010159	Lê Thanh	Bình	5.0	5.0	5.0	6.0	5.0		2.0	2.0		4.5	4.5	4.5		
3	3551010001	Phan Thanh	Chiữ	5.0	6.0	5.0	5.0	5.0		1.5	1.0		4.3	4.3	4.2		
4	3551010227	Lê Khánh	Duy	7.0	8.0	8.0	7.0	8.0		1.0			6.1	6.1			
5	3551010379	Bùi Hoàng	ữ ữ	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
6	3551010163	Trữn Tiữ	ữ ữ	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0		4.0			6.3	6.3			
7	3551010174	ữ ữ ữ ữ	Hào	8.0	7.0	8.0	9.0	8.0		0.0			6.2	6.2			
8	3551010287	Nguyữ n Vữn	Hiữ	7.0	8.0	6.0	7.0	8.0		1.0			5.8	5.8			
9	3551010186	Châu Thành	Hiữ	8.0	7.0	8.0	9.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
10	3551010268	Hữ Phi	Hiữ	7.0	6.0	7.0	7.0	6.0		0.0			5.1	5.1			
11	3551010359	Nguyữ n Minh	Hiữ	7.0	8.0	6.0	8.0	8.0		2.5			6.3	6.3			
12	3551010252	Nguyữ n Vữn	Hòa	0.0	3.0	1.0	4.0	2.0		0.0			1.5	1.5			
13	3551010363	Vữ ữ ữ	Hòa	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
14	3551010288	Nguyữ n Nhữ	Huy	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0		0.5			6.0	6.0			
15	3551010257	Trữ nh Thanh	Huy	8.0	7.0	7.0	8.0	8.0		1.5			6.2	6.2			
16	3551010170	Nguyữ n Phi	Hùng	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		2.0			6.6	6.6			
17	3551010239	Phữm Vữn	Hữ	4.0	5.0	6.0	4.0	6.0		3.3	0.0		4.6	4.6	3.8		
18	3551010164	Nguyữ n Vữn	Kỉ t	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0		0.5			5.5	5.5			
19	3551010218	Hoàng Xuân	Lâm	5.0	5.0	4.0	6.0	4.0		0.5			3.8	3.8			
20	3551010188	Nguyữ n Vữn	Linh	0.0	0.0	3.0	0.0	2.0		0.0			0.8	0.8			
21	3551010356	Bữ Nhữ	Long	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
22	3551010179	Vữ Tữ	Long	8.0	8.0	7.0	8.0	9.0		1.0			6.4	6.4			
23	3551010267	Vữ Thành	Luân	7.0	8.0	7.0	6.0	7.0		2.8			6.0	6.0			
24	3551010388	Vữ Vữn	Luân	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0		3.3			6.1	6.1			
25	3551010397	Trữn Ch ²	Nghữ	7.0	6.0	5.0	7.0	5.0		1.0	1.0		4.8	4.8	4.8		
26	3551010354	Phữm ữ ữ	Nhữ	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
27	3551010154	Nguyữ n ữ ữ	Nhữ	4.0	5.0	5.0	6.0	4.0		0.0			3.7	3.7			
28	3551010212	Huữnh	Pha	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
29	3551010142	Huữnh Vữn	Pháp	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0		2.8			6.5	6.5			

STT	MÃ SV	Hĩ Vê Tạ N		Hĩ S 2						Hĩ S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3551010151	L° ậ đư	Phú	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		3.0			6.8	6.8			
31	3551010313	Trợng Ng c	Phú	7.0	8.0	8.0	9.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
32	3551010292	L° ậ c	Quân	6.0	7.0	6.0	7.0	7.0		1.5			5.4	5.4			
33	3551010184	Phẩm Vln	Quý c	7.0	8.0	7.0	7.0	7.0		3.0			6.2	6.2			
34	3551010155	Vĩ Vln	QuyJ	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		4.5			7.2	7.2			
35	3551010220	Phan Vln	Quý	6.0	7.0	5.0	6.0	7.0		1.5			5.1	5.1			
36	3551010198	Phẩm Minh	Sang	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		2.0			6.6	6.6			
37	3551010238	Cao Thanh	Tâm	7.0	8.0	7.0	7.0	6.0		2.5			6.0	6.0			
38	3551010411	L° Vln	TiJh	6.0	7.0	7.0	7.0	6.0		2.0			5.5	5.5			
39	3551010316	Phan Thành	T t	7.0	8.0	7.0	8.0	8.0		1.0			6.1	6.1			
40	3551010393	Hĩ ậ c	TuBh	6.0	7.0	5.0	6.0	6.0		3.0			5.3	5.3			
41	3551010145	Vĩ Vln	Thanh	8.0	8.0	7.0	9.0	8.0		2.5			6.7	6.7			
42	3551010202	L° S:	Thành	7.0	9.0	8.0	8.0	8.0		0.5			6.3	6.3			
43	3551010260	V» Vln	Thành	8.0	8.0	8.0	7.0	9.0		2.0			6.6	6.6			
44	3551010374	Tô Mai Quang	Thái	0.0	3.0	0.0	2.0	0.0		0.0			0.8	0.8			
45	3551010205	Bùi Quang	Thđng	3.0	4.0	5.0	5.0	5.0		1.5	1.5		3.7	3.7	3.7		
46	3551010160	Hu8nh Minh	Thĩ n	7.0	8.0	9.0	8.0	8.0		1.5			6.5	6.5			
47	3551010214	Lợng Ch²	Thông	8.0	8.0	7.0	9.0	8.0		2.0			6.6	6.6			
48	3551010416	Nguy, n C¹ ng	Thùy	7.0	9.0	8.0	8.0	8.0		0.0			6.2	6.2			
49	3551010296	Trợh Vln	Th c	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0		1.0			6.2	6.2			
50	3551010341	Phẩm ậ ³nh	Vln	6.0	7.0	6.0	7.0	7.0		4.5			6.1	6.1			
51	3551010147	Trợng Minh	Vĩ t	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		2.0			6.6	6.6			

Tĩ ng s 51 hĩ c sinh - sinh vi°n.

XJp loũ	S lể ng	T í (%)
ậ ỗ	37	71
Kh¹ ng ậ ỗ	15	28

Tp.HCM, ng y 2 thşng 4 nłm 2014

Trẻ ng Khoa

Gişo vi°n b, m¹ n

Gişo v, Khoa